

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã ngành: 7340101

Thái Nguyên, 2018

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 483/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 25 tháng 5 năm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã ngành: 7340101

Hình thức đào tạo: Chính quy

Chương trình đối sánh:

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Thông tin kiểm định CTĐT: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số: 117/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

- Quy trình đào tạo: Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện của chương trình đào tạo: Không.

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chương trình

Đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; vận dụng thành thạo những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, có khả năng tạo lập và điều hành doanh nghiệp, nhằm phát triển các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế xã hội tại các địa phương, đặc biệt ở khu vực trung du miền núi phía Bắc.

4.2. Chuẩn đầu ra

Về kiến thức

KT1. Hiểu biết và vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức kinh tế chung và các quy luật kinh tế thị trường vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong kinh doanh.

KT2. Vận dụng các kiến thức cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết các vấn đề kinh doanh và ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh và các tổ chức kinh tế xã hội.

KT3. Nắm được được các kiến thức của ngành quản trị kinh doanh để phối hợp có hiệu quả các nguồn lực của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế xã hội.

KT4. Hiểu và vận dụng kiến thức về các chức năng quản trị như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh.

KT5. Hiểu biết và vận dụng kiến thức về lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh để tư vấn, đề xuất các chính sách, quy định để quản lý và hỗ trợ phát triển các loại hình kinh doanh ở một địa phương, khu vực.

KT6. Nắm được kiến thức và các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

KT7. Có kiến thức thực tiễn về các hoạt động kinh doanh.

KT8. Có kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản để đáp ứng yêu cầu của công việc kinh doanh như hiểu biết cơ bản về máy tính; hiểu biết cơ bản về các ứng dụng thông dụng như word, excel, powerpoint; hiểu biết về mạng máy tính. Đạt chuẩn về trình độ tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.

Về kỹ năng

KN1. Kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực kinh doanh; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.

KN2. Các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong kinh doanh như: Giao tiếp, ứng xử; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tự học và sáng tạo; Kỹ năng quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch và khoa học; Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức trong thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp trong thực tiễn kinh doanh.

KN3. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác như: Kỹ năng tạo lập và triển khai các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng nhận định, phát hiện và ra quyết định xử lý vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh; Kỹ năng phân tích và đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng tạo lập quan hệ, giao tiếp, và hợp tác trong công việc kinh doanh.

KN4. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường kinh doanh không xác định hoặc thay đổi, kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh và dự báo các tình huống phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.

KN5. Các kỹ năng hành chính văn phòng như: Soạn thảo các văn bản và hồ sơ giao dịch cơ bản trong kinh doanh; Kỹ năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị văn phòng và phương tiện hỗ trợ trong các cơ sở kinh doanh.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

TC1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm đối với công việc và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có thể chịu được áp lực công việc cao trong môi trường kinh doanh.

TC2. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh doanh; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

TC3. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

TC4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh ở quy mô trung bình.

*** Các ma trận thể hiện mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)**

*** Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CĐR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục B)**

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 126 tín chỉ

(Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC
1		Phần Kiến thức giáo dục đại cương*	33
2		Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
2.1		Kiến thức cơ sở của khối ngành	6
2.2		Kiến thức cơ sở của ngành	24
2.3		Kiến thức cơ sở của ngành chính	24
2.4		Kiến thức chuyên ngành	27
2.5		Thực tập nghề nghiệp/môn học	2
2.6		Thực tập tốt nghiệp	10
		Tổng toàn khóa	126

- Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT

1 = Mức đóng góp thấp; 2 = Mức đóng góp trung bình; 3 = Mức đóng góp cao

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra														
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4
1	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	3	2	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1
2	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	1	2	2	1	2	1	2	2	2	1	1	2	1	2
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	2	1	2	1	1	1	2	1	1	2	2	1
4	Đường lối cách mạng Việt Nam	2	2	1	2	1	2	1	1	2	2	1	2	2	1	1
5	Pháp luật đại cương	3	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	1	1	2	2
7	Tiếng Anh 1	2	2	1	2	1	1	3	1	2	1	1	1	1	1	2

8	Tiếng Anh 2	2	2	1	1	2	2	3	2	1	1	1	1	1	2	1
9	Tiếng Anh 3	2	2	2	2	2	2	3	1	2	1	1	2	1	2	2
10	Tiếng Anh 4	2	1	2	1	2	2	3	1	2	2	1	1	1	1	1
11	Tiếng Anh 5	2	2	2	1	2	1	3	2	2	2	1	1	1	1	2
12	Tiếng Anh 6	2	2	2	2	2	2	3	1	1	1	1	1	1	1	2
13	Toán kinh tế	3	2	1	2	2	1	1	1	2	1	1	2	2	1	2
14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	1	2	1	2	2	1	2	2	1	1	1	2	1	2
15	Tin học đại cương	3	1	2	2	1	1	1	1	1	2	3	2	2	1	2
16	Giáo dục thể chất 1	2	1	2	2	2	2	1	1	2	1	1	2	2	1	2
17	Giáo dục thể chất 2	1	1	2	1	1	2	1	1	2	2	1	2	2	1	2
18	Giáo dục thể chất 3	2	2	1	2	1	2	1	1	1	2	1	2	1	1	1
19	Giáo dục quốc phòng	1	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	2	2	1	2
20	Kinh tế vi mô 1	3	2	2	2	2	2	1	2	1	2	1	1	2	2	1
21	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	2	2	1	2	1	2	2	1	1	2	2	1	1
22	Quản trị học (căn bản)	3	1	1	2	2	1	1	2	1	2	1	1	2	1	1
23	Tài chính - tiền tệ 1	3	2	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2
24	Nguyên lý thống kê	3	1	2	2	2	1	1	2	1	1	1	1	1	2	2
25	Nguyên lý kế toán	3	1	2	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	2	2
27	Marketing căn bản	3	1	1	2	1	2	1	1	1	2	1	2	2	1	2
28	Luật Kinh tế (căn bản)	3	2	1	2	2	1	1	2	1	2	1	1	1	1	1
29	Ra quyết định quản trị	3	1	2	2	2	2	1	2	3	1	1	1	1	2	1
30	Giao tiếp trong kinh doanh	2	1	1	2	1	1	1	3	3	2	1	2	2	1	1
31	Lý thuyết hệ thống	2	1	1	2	1	2	1	2	2	2	1	1	2	2	2
32	Thương mại quốc tế	1	2	1	2	1	2	1	2	2	1	1	2	1	1	2
33	Quản lý nhà nước về kinh tế	1	2	1	2	1	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2
34	Kinh tế lượng	2	1	2	2	1	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1
35	Quản trị chiến lược	1	3	3	1	1	2	1	2	3	2	1	2	2	2	1
36	Quản trị tài chính	1	3	3	1	1	2	1	2	2	2	1	2	1	2	2
37	Quản trị nhân lực	2	3	3	2	2	1	1	2	1	1	1	1	1	2	2
38	Thương mại điện tử	2	3	3	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1
39	Phân tích hoạt động kinh doanh	1	3	3	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	1
40	Kế toán quản trị	1	3	3	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
41	Phương pháp NCKH trong KD	1	1	2	3	1	1	1	2	2	2	1	1	1	1	2
42	Tâm lý học quản trị kinh doanh	1	1	2	1	1	1	1	3	3	1	1	1	2	2	1
43	Thống kê doanh nghiệp	2	2	2	2	2	1	1	2	1	2	1	1	1	2	1
44	Hệ thống thông tin trong quản lý	1	1	1	2	1	2	1	1	2	1	1	2	2	1	1
45	Kế toán doanh nghiệp	2	2	2	2	2	1	1	1	2	2	1	1	1	1	2
46	Đạo đức kinh doanh và VH DN	1	2	2	2	1	2	1	3	3	2	1	2	1	2	1
47	Quan hệ công chúng	2	2	1	1	1	2	1	3	3	2	1	1	2	2	2
48	Quản trị logistics	2	2	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2	2

49	Kỹ thuật NV ngoại thương	1	3	1	3	1	1	1	1	2	2	1	2	2	1	1
50	Quản trị hành chính văn phòng	1	3	1	3	1	2	1	1	2	2	3	2	2	2	1
51	Quản trị doanh nghiệp 1	2	3	1	3	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1	1
52	Quản trị công nghệ và đổi mới	2	3	1	3	2	2	1	1	1	1	1	1	2	1	1
53	Quản trị sản xuất 1	2	3	1	3	2	2	1	2	2	2	1	2	2	2	1
54	Quản trị chất lượng	1	3	1	3	2	2	1	1	2	1	1	1	2	1	1
55	Quản trị dự án	1	3	1	3	2	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2
56	Tin học ứng dụng	2	2	2	1	1	2	1	1	1	1	3	1	1	1	1
57	Quản trị marketing	2	2	1	2	2	2	1	1	2	2	1	1	2	1	1
58	Đàm phán trong kinh doanh	2	2	2	2	1	1	1	3	3	1	1	1	2	2	2
59	Quản trị sự kiện	2	1	1	2	1	1	1	3	3	2	1	1	1	2	2
60	Thị trường chứng khoán	1	1	2	2	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2
61	Kinh doanh quốc tế	2	2	2	2	1	2	1	2	1	2	1	1	2	2	2
62	Quản trị bán hàng	2	1	2	2	1	1	1	1	1	2	1	2	1	2	1
63	Quản trị quan hệ khách hàng	1	2	1	2	2	1	1	3	2	1	1	2	1	2	2
64	Quản trị chuỗi cung ứng	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2
II. 5	Thực tập môn học	1	2	2	2	1	2	1	1	2	1	1	2	1	2	2
III	Thực tập tốt nghiệp	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	1	1	2
IV	Khóa luận tốt nghiệp	1	1	1	1	1	1	1	2	1	2	1	2	1	2	2
65	Kỹ năng quản trị	1	3	2	1	2	2	1	2	3	1	1	2	1	2	2
66	Quản trị sản xuất 2	2	3	2	1	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2
67	Quản trị doanh nghiệp 2	2	3	1	1	1	2	1	1	2	1	1	1	2	1	1
68	Khởi sự kinh doanh	2	3	1	1	1	1	1	2	1	2	1	1	1	2	2
69	Quản trị DN nhỏ và vừa	2	3	2	1	2	2	1	1	2	1	1	1	2	1	2

- Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT (Phụ lục B)

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức đại cương

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	MLP 121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	
2	MLP 131	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	MLP 121
3	HCM131	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP 121, MLP 131
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	MLP 121, MLP 131, HCM131
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	0
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	0
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG121, ENG122

9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG121,ENG122, ENG123
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG121,ENG122, ENG123,ENG124
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	ENG121,ENG122, ENG123,ENG124, ENG12 5
12	MAE131	Toán kinh tế	3	
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	MAE131
14	GIF131	Tin học đại cương	3	Không
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	0
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	PHE011
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	PHE011, PHE012
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	0

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	0
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	0

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
21	MAN 231	Quản trị học (căn bản)	3	0
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	MIE231, MLP123
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	PST131,MAE131
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	0
25	GEM231	Marketing căn bản	3	MIE231, MAE231
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	LAW121
27	DTH231	Ra quyết định quản trị	3	MIE231, MAE231, GEM231
28	TOU231	Giao tiếp trong kinh doanh	3	0
29	SYT331	Lý thuyết hệ thống	3	MLP 121, MLP 131, MAE131, MAN 231
30	INB331	Thương mại quốc tế	3	
31	SME331	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	LAW121, MAE231
32	ECO231	Kinh tế lượng	3	PST131, MIE231, MAE231

7.2.3. Kiến thức cơ sở của ngành chính

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
33	STM331	Quản trị chiến lược	3	MIE231, MAE231,

				GEM231, MAN231
34	FIM331	Quản trị tài chính	3	MAN231
35	HRM331	Quản trị nhân lực	3	MAN231
36	MAS331	Thương mại điện tử	3	MAN231
37	BAN331	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	PRS231, FAM231, GEM231, BUA331
38	MAA331	Kế toán quản trị	3	ACT231, FAC 331
39	SMB331	Phương pháp NCKH trong KD	3	ECO231, PSE231
40	PBA331	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	MLP123, MAN231, GEM231
41	ENS331	Thống kê doanh nghiệp	3	PRS231
42	MIS331	Hệ thống thông tin trong quản lý	3	0
43	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3	ACT231
44	ORC331	Đạo đức kinh doanh và VH DN	3	GEM231
45	PRE331	Quan hệ công chúng	3	GEM231
46	LOM331	Quản trị logistics	3	0

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
47	ADM331	Quản trị hành chính văn phòng	3	MAN231
48	IBA331	Quản trị doanh nghiệp 1	3	MAN231, MIE231, MAE231
49	PMA331	Quản trị sản xuất 1	3	MAN231, PSE231, PAM331,
50	QUA331	Quản trị chất lượng	3	MIE231, MAE231, GEM231, MAN231
51	PAM331	Quản trị dự án	3	0
52	TPR331	Kỹ thuật NV ngoại thương	3	0
53	CSM331	Quản trị chuỗi cung ứng	3	MAN231
54	AIN331	Tin học ứng dụng	3	GIF131, FAM231, PAM331
55	MGT331	Quản trị công nghệ và đổi mới	3	MIE231, MAE231, MAN231
56	SMK331	Thị trường chứng khoán	3	FAM231
57	AEV331	Quản trị sự kiện	3	0
58	NEB331	Đàm phán trong kinh doanh	3	
59	INB331	Kinh doanh quốc tế	3	MAN231
60	MM331	Quản trị Marketing	3	GEM231, SAM331
61	CRM331	Quản trị quan hệ khách hàng	3	GEM231
62	SAM331	Quản trị bán hàng	3	GEM231
63	TMM331	Quản trị thương hiệu	3	GEM231

7.2.5. Tốt nghiệp

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
----	-------	--------------	-------	----------------------------

	Tự chọn thay làm khóa luận			
64	MAS331	Kỹ năng quản trị	3	MAN231
65	BAD332	Quản trị doanh nghiệp 2	3	IBA331
66	PMA332	Quản trị sản xuất 2	3	PMA331, MAE131 PST131, PSE231, ECO231
67	SME331	Quản trị DN nhỏ và vừa	3	MAN231, GEM231, MIE231, MAE231
68	SBO331	Khởi sự kinh doanh	3	MAN231, GEM231, MIE231, MAE231

8. Kế hoạch đào tạo (Phụ lục C) (**khung CTĐT năm 2018 đã có**)

9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

1. Những NL CB của CN Mác-Lênin 1

Số tín chỉ: 02 Mã HP: MLP 121

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học phần 1) là hệ thống tri thức chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó, biểu hiện bằng những nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản, chung nhất trong thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua học tập, nghiên cứu học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (học phần 1), trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật giúp họ tự giác trong quá trình nhận thức và hành động, trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo của bản thân.

2. Những NL CB của CN Mác-Lênin 2

Số tín chỉ: 03 Mã HP: MLP 131

- Môn học trước: Những Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin HP I

- Môn học tiên quyết: Những Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin HP I

- Môn học song hành: Không

Chủ nghĩa Mác – Lênin được cấu thành bởi ba bộ phận lý luận cơ bản có mối quan hệ biện chứng thống nhất với nhau: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận Triết học đã được nghiên cứu ở Học phần I, đến Học phần II, người học sẽ được tiếp cận với Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Căn cứ vào mục tiêu học phần, học phần II được cấu trúc thành 2 phần với 6 chương nối tiếp học phần I.

Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Phần thứ ba gồm 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Mã HP: HCM131

Môn học trước: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Học phần I, học phần II).

Môn học tiên quyết: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Học phần I, học phần II).

Môn học song hành: Không

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực khoa học chính trị. Nó có quan hệ mật thiết với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung của môn học bao gồm 8 chương, trình bày những vấn đề cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học. Cụ thể: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa việc học tập môn Tư Tưởng Hồ Chí Minh. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới:

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Qua đó, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Đường lối cách mạng Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Mã HP: VCP131

Môn học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Môn học tiên quyết: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Học phần I, học phần II).

Môn học song hành: Không

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là 1 trong 3 môn học thuộc khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Môn học có quan hệ mật thiết với các môn: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đất nước Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Vì vậy, đường lối của Đảng vừa có tính khoa học, vừa có tính cách mạng sâu sắc.

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng, về đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Đường lối cách mạng của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

Qua học tập môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên có cơ sở vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề kinh

tế, chính trị, xã hội...theo đường lối, chính sách của Đảng.

5. *Pháp luật đại cương*

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12tiết

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

6. Tiếng Anh 1, Mã số HP: ENG121

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: không
- Môn học tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh 1 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

7. Học phần: Tiếng Anh 2, Mã số HP: ENG122

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1
- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1
- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh 2 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ

thông bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

8. Học phần: Tiếng Anh 3, Mã số HP: ENG123

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1,2

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2

- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh 3 là môn học tiếp nối môn học Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

9. Học phần: Tiếng Anh 4, Mã số HP: ENG124

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1,2,3

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2,3

- Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

10. Học phần: Tiếng Anh 5, Mã số HP: ENG125

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1,2,3,4

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2,3,4

- Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi

bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

11. Tiếng Anh 6

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 5
- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2,3,4,5
- Tóm tắt nội dung học phần:

Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản Nghe, Nói, Đọc, Viết được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như Sức khỏe, Thể thao, Ẩm thực, Môi trường, Giao tiếp... Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

12. Toán kinh tế ,Mã số HP: MAE 131

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học trước: không
- Môn học tiên quyết: không
- Môn học song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: (i) Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. (ii) Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Đồng thời, trang bị cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến. (iii) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân như phương trình vi phân tuyến tính cấp 1, phương trình vi phân tuyến tính cấp 2 với hệ số hằng và một số mô hình ứng dụng của phương trình vi phân trong phân tích kinh tế.

13. Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Mã số HP: PST 131

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học trước: Toán kinh tế
- Môn học tiên quyết: không
- Môn học song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần *Lý thuyết xác suất và thống kê toán học* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa cơ bản về xác suất được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu các khái niệm và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng

tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

14. Tin học đại cương, Mã số HP: GIF131

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 30 tiết (30 GTC), số tiết thực hành: 30 tiết (15 GTC)

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần **Tin học đại cương** trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows, mua sắm máy tính, tự tin thuyết trình, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

15. Học phần: Giáo dục thể chất 1, Mã số HP: PHEO11.

Số tín chỉ 01 TC, Số tiết LT: 04 tiết, số tiết thực hành: 26 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: GDTC 1 là môn học bắt buộc áp dụng giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của nhà trường. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhập môn GDTC tại bậc đại học: Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung và các bài tập liên hoàn tay không và bài tập liên hoàn với gậy thể dục, kiến thức về y học thể thao...Trang bị cho sinh viên kỹ năng tự tập luyện thể thao, từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

16. Học phần: Giáo dục thể chất 2, Mã số HP: PHEO12.

Số tín chỉ 01 TC, Số tiết LT: 04.tiết, số tiết thực hành: 26 tiết

- Môn học trước: môn GDTC 1

- Môn học tiên quyết: môn GDTC 1

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần GDTC 2 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Điền Kinh (kỹ thuật chạy cự ly trung bình). Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn chạy cự ly trung bình và các kiến thức về y học thể thao, chấn thương thường gặp trong vận động thể thao. Vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

17. Học phần: Giáo dục thể chất 3, Mã số HP: PHEO13

Số tín chỉ 01 TC, Số tiết LT: 04.tiết, số tiết thực hành: 26 tiết

- Môn học trước: môn GDTC 1 và GDTC 2

- Môn học tiên quyết: môn GDTC 1

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần GDTC 3 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Bóng chuyền. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn bóng chuyền. Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen vận động thường xuyên từng bước nâng cao trình độ thể thao trong sinh viên trường đại học.

18. Giáo dục quốc phòng

19. Kinh tế vi mô 1, Mã số HP MIE231

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết
- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế học vi mô 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong nền kinh tế. Học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động; Thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ.

20. Kinh tế vĩ mô 1, Mã số HP MAE231

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết
- Môn học trước: Kinh tế học vi mô 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vĩ mô 1 là môn học cơ sở của khối ngành kinh tế. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước, các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp..., các chính sách vĩ mô của Chính phủ mỗi quốc gia như tài khoá, tiền tệ... nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

21. Quản trị học (căn bản), Mã số HP: MAN 231

Số tín chỉ 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ... Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề

trong thực tiễn quản trị, chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như QT Marketing; QT nhân lực; QT ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị...

22. Tài chính - tiền tệ 1, Mã số HP: FAM231

Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1
- Môn học tiên quyết: Triết học Mác Lênin
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

23. Nguyên lý thống kê, Mã số HP: PSE 231

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết
- Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Toán kinh tế
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế xã hội và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Trong quá trình học, người học sẽ hiểu, biết và thực hành quá trình nghiên cứu thống kê, vận dụng được các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu; vận dụng được các công cụ tổng hợp thống kê.

24. Nguyên lý kế toán, Mã số HP: ACT231

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: “Không”
- Môn học tiên quyết: “Không”
- Môn học song hành: Luật và chuẩn mực kế toán

- Tóm tắt nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng

thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

25. Marketing căn bản, Mã số HP: GEM231

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Kinh tế vi mô,

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

- Môn học song hành: không

- Tóm tắt học phần: Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Hiểu được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

26. Luật Kinh tế (căn bản), Mã số HP: ELA231

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Pháp luật đại cương

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết thực về pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường như: Khái quát chung về luật kinh tế; vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh; hợp đồng trong kinh doanh thương mại; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, pháp luật về phá sản; pháp luật lao động... Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để tránh được những hành vi vi phạm pháp luật khi hoạt động kinh doanh, biết lựa chọn các mô hình kinh doanh thích hợp và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

27. Ra quyết định quản trị, Mã số HP: DTH 231

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Môn học tiên quyết: Quản trị học

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần sẽ trang bị các kiến thức cơ bản về vấn đề và quyết định trong quản trị từ đó làm cơ sở cho việc ra quyết định một cách khoa học, chính xác trong hoạt động quản trị kinh doanh. Giúp sinh viên nắm vững về những vấn đề liên quan đến việc ra quyết định như ra quyết định trong các điều kiện khác nhau, ra quyết định trong xây dựng chiến lược kinh doanh. Vận dụng linh hoạt được các kỹ năng ra quyết định trong

các trường hợp cụ thể của doanh nghiệp.

28. Giao tiếp trong kinh doanh, Mã số HP: TOUT31

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản như bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh, môi trường giao tiếp kinh doanh, giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, kỹ thuật soạn thảo văn bản như viết báo cáo và kế hoạch kinh doanh, viết thư, kỹ năng sử dụng Email, kỹ năng truyền tải các thông điệp thuyết phục và kỹ năng thuyết trình.

29. Lý thuyết hệ thống, Mã số HP: SYT 231

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Triết học, Toán kinh tế

- Môn học tiên quyết: Triết học, Toán kinh tế, Quản trị học

- Tóm tắt nội dung: Môn học Lý thuyết hệ thống là một học phần quan trọng đối với chuyên ngành quản trị kinh doanh nói riêng và ngành kinh tế nói chung. Môn học đề cập đến những vấn đề cơ bản nhất của lý thuyết hệ thống, đặc biệt là hệ thống kinh tế nhằm : Giới thiệu một số phương pháp, mô hình cơ bản để tiến hành phân tích tổng hợp hệ thống đạt được mục tiêu đề ra, đồng thời đưa ra cách thức xử lý thông tin trong quá trình lựa chọn giải pháp hợp lý trong điều kiện thông tin bất định. Ứng dụng lý thuyết hệ thống trong việc tổ chức và quản lý kinh tế vĩ mô và quản lý các doanh nghiệp. Sử dụng lý thuyết hệ thống hiện đại về graph và phương pháp quản lý theo chương trình (phương pháp PERT) để phân tích tiến độ thi công quản lý các dự án đầu tư nhằm huy động các tiềm lực đạt kết quả cao nhất.

30. Thương mại quốc tế

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước:

- Môn học tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Thương mại quốc tế tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến bản chất của thương mại quốc tế, những đặc trưng, chức năng, nhiệm vụ của thương mại quốc tế, nội dung hoạt động cùng với quá trình vận dụng sáng tạo các lý thuyết cơ bản của thương mại quốc tế. Đồng thời môn học cũng cung cấp những kiến thức về tự do hóa thương mại, lý giải xu hướng giảm dần đi đến xóa bỏ các hàng rào thuế quan, phi thuế quan và hình thành các liên kết kinh tế trong thương mại quốc tế. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Những vấn đề chung về thương mại quốc tế; Một số lý thuyết cổ điển tân cổ điển, lý thuyết hiện đại về thương mại quốc tế; Các hàng rào thương mại quốc tế; Liên kết kinh tế quốc tế trong thương mại quốc tế. Môn học được thiết kế dành cho đối tượng là các sinh viên khối trường kinh tế và những người có quan tâm.

31. Quản lý nhà nước về kinh tế , Mã số: SME331

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Kinh tế học vĩ mô
- Môn học tiên quyết: Pháp luật đại cương
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung vào việc nghiên cứu vai trò, chức năng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay theo quan điểm chiến lược của Đảng. Thông qua việc tìm hiểu thực trạng của nền kinh tế, đề xuất các biện pháp để đổi mới các công cụ chính sách, pháp luật, kế hoạch, phương pháp quản lý, mục tiêu, chức năng của nhà nước cho phù hợp với sự biến đổi của nền kinh tế. Tìm hiểu về bộ máy, đội ngũ cán bộ cũng như các nguyên tắc, tiêu chuẩn trong tổ chức bộ máy và hoạt động của các cơ quan và cán bộ công chức trong hoạt động quản lý nhà nước

32. Kinh tế lượng, Mã số HP: ECO231

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết
- Môn học trước: Toán cao cấp, Xác suất thống kê, Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một tập hợp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và dự báo liên quan đến kinh tế vĩ mô và đầu tư tài chính như lạm phát, lãi suất, tổng sản phẩm quốc dân, xây dựng danh mục đầu tư tài chính, định giá cổ phiếu, quản lý rủi ro... với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê EVIEWS.

33. Quản trị chiến lược, Mã số HP STM 331

Số tín chỉ .3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản
- Môn học tiên quyết: Quản trị học

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp người học có được tư duy về định hướng của một doanh nghiệp trong quá trình phát triển, đồng thời tạo cho người học biết trình tự cũng như cách thức để xây dựng một chiến lược cho một doanh nghiệp trong một giai đoạn cụ thể. Hiểu các khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược. Nắm được phương pháp, công cụ sử dụng và các bước công việc trong hoạch định chiến lược cho doanh nghiệp. Nhận diện được các kiểu chiến lược của doanh nghiệp. Nắm vững quy trình tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong các tổ chức. Vận dụng các kiến thức đã học để hoạch định chiến lược cho một tổ chức.

34. Học phần: Quản trị tài chính, Mã số HP: FIM 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần quản trị tài chính cung cấp cho người học các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: định giá tài sản tài chính, chi phí huy động và sử dụng vốn, quy trình đánh giá, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư dài hạn; xem xét cơ cấu tài chính, các chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu, các hoạt động quản trị vốn kinh doanh,

cách xác định chi phí, doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp, các vấn đề về phân tích và hoạch định tài chính doanh nghiệp.

35. Học phần: Quản trị Nhân lực, Mã số HP: HRM 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị Nhân lực sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị con người với vai trò là cá nhân, thành viên của tổ chức, doanh nghiệp và tổng hợp các giai đoạn, phương pháp quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp, những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình quản trị nhân lực, kinh nghiệm của Việt Nam và thế giới chủ yếu là quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp, tương ứng với 3 giai đoạn: Hình thành, sử dụng và phát triển nhân lực trong tổ chức doanh nghiệp.

36. Học phần: Thương mại điện tử, Mã số HP: MAS331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 36 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Thương mại điện tử đã được đưa vào là một môn học bắt buộc trong các trường đại học khối ngành kinh tế, nhằm đào tạo ra một nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực này. Ngoài ra, các bộ ngành trung ương cũng xúc tiến hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử tạo nên sự phát triển bền vững cho thương mại điện tử tại Việt Nam. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, kinh doanh trên Internet, quảng cáo trên mạng, thanh toán điện tử, dịch vụ khách hàng trực tuyến, Logistics trong thương mại điện tử. Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tạo lập một hoạt động kinh doanh trên mạng cơ bản.

37. Học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh, Mã số HP: BAN331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Nguyên lý thống kê, kế toán tài chính, tài chính – tiền tệ, marketing căn bản.

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành chính, là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành QTKD, phân tích tài chính nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp; phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; gia tăng tiêu thụ, lợi nhuận và giải quyết vấn đề, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

38. Kế toán quản trị, Mã số HP: MAA 331

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận (bài tập): 18 tiết

- Môn học trước: Kế toán tài chính

- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân loại chi phí; các phương pháp xác định chi phí; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; phân bổ chi phí và phân tích báo cáo bộ phận; định giá bán sản phẩm và hoàn vốn đầu tư; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; lập dự toán sản xuất kinh doanh.

39. Phương pháp NCKH trong KD

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận (bài tập): 18 tiết

- Môn học trước: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học cái nhìn tổng quan về nghiên cứu khoa học. Từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, học phần giúp người học tổng quan được các tài liệu và xây dựng khung lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu. Trên cơ sở đó đưa ra các câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và đề cương chi tiết tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu được tiến hành một cách khoa học và logic đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã được thiết lập. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức liên quan đến các phương pháp xử lý số liệu như thống kê mô tả, phương pháp phân tích định tính, phân tích định lượng để phục vụ cho nghiên cứu được tốt hơn; hướng dẫn sinh viên các viết một số báo cáo khoa học phù hợp với hướng nghiên cứu hiện nay của các nước phát triển.

40. Tâm lý học quản trị kinh doanh, Mã số HP: PBA 331

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
- Môn học trước: Triết học Mác - Lênin, Lịch sử các học thuyết kinh tế.
- Môn học tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Lịch sử các học thuyết kinh tế, Quản trị học, Marketing căn bản.
- Môn học song hành: Quản trị học, Marketing căn bản.
- Tóm tắt nội dung học phần: Tâm lý học quản trị kinh doanh là một học phần quan trọng dành cho khối ngành kinh tế. Bản thân môn học sẽ giúp người nghiên cứu biết được các hiện tượng tâm lý của con người và các quy luật tâm lý đó diễn ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn thế nữa, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận thực tiễn về tâm lý trong hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh, rèn luyện được các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp, từ đó giúp sinh viên vận dụng hiệu quả vào đời sống hàng ngày cũng như công việc trong tương lai.

41. Thống kê doanh nghiệp

Mã số HP: ENS331

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết
- Môn học trước: Nguyên lý thống kê
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó giúp nhà quản lý nắm được tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp mình để xây dựng các kế hoạch phát triển trong tương lai cho phù hợp với điều kiện thực tế.

42. Hệ thống thông tin trong quản lý, Mã số HP: MIS331

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin. Người học hiểu các quá trình quản lý dữ liệu, viễn thông, Internet, thương mại và các hệ thống thông tin sử dụng trong doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần này, người học có thể Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp, xây dựng & lập kế hoạch phát triển CNTT trong doanh nghiệp.

43. Kế toán doanh nghiệp, Mã học phần: BUA331

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần kế toán doanh nghiệp là học phần tự chọn cho các khối sinh viên ngoài ngành kế toán. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất với các phần hành kế toán cơ bản. Học phần KTDN được kết cấu theo 6 chương bao gồm: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ; Kế toán Tài sản cố định, Kế toán Tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả tiêu thụ. Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp về lựa chọn chứng từ, lập định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó học phần này còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả giúp sinh viên phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến công việc kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất. Đây là học phần học sau học phần Nguyên lý kế toán,...

44. Đạo đức kinh doanh và VH DN, Mã số HP: ORC321

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Marketing căn bản

- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

- Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp, tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh

nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các hệ thống biểu trưng trực quan và phi trực quan, các dạng văn hóa doanh nghiệp, các bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp,... Từ đó sinh viên có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp với vai trò là một thành viên hay một người tư vấn cho doanh nghiệp đó.

45. *Quan hệ công chúng*, Mã số HP: PRE321

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
- Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nghiên cứu các nguyên lý quan hệ công chúng trong kinh doanh. Môn học tập trung vào tìm hiểu các công cụ và kỹ thuật được dùng để đạt được và duy trì hình ảnh tích cực của doanh nghiệp trong công chúng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp; các phân tích về quan điểm và thái độ của công chúng; các chính sách quan hệ công chúng; áp dụng các lý thuyết về quan hệ công chúng vào các tình huống thực tế. Người học sẽ phải làm một nghiên cứu thực tế dựa trên kiến thức đã học.

46. *Quản trị logistics*, Mã số HP: LOM331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, tổng quan về quá trình hoạch định, thực hiện và kiểm soát một cách có hiệu quả chi phí lưu thông, dự trữ nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho trong quá trình sản xuất sản phẩm cùng dòng thông tin tương ứng từ điểm đầu tiên đến điểm tiêu dùng cuối cùng nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thông qua hàng loạt các hoạt động kinh tế như quản trị nhu cầu, quản trị dự trữ, quản trị kho hàng hóa, quản trị dịch vụ giao nhận hàng hóa, hệ thống thông tin logistics, và quản trị dịch vụ khách hàng.

47. *Quản trị hành chính văn phòng*, Mã số HP: ADM 331

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần quản trị hành chính văn phòng (HCVP) cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn phòng và quản trị HCVP tại các cơ quan, tổ chức. Bao gồm các nội dung như sau: Những vấn đề chung về văn phòng, HCVP và quản trị HCVP; quản trị thời gian, thông tin và hồ sơ; tổ chức các cuộc họp và chuyển đi công tác; thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản; soạn thảo văn bản tác nghiệp hành chính; nghiệp vụ lễ tân và giao tiếp hành chính; thư tín thương mại.

48. *Quản trị doanh nghiệp1*, Mã số HP: IBA 331

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- Môn học tiên quyết: không

- Học phần Quản trị doanh nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức quản trị có tính nguyên lý chung, các kỹ năng cần thiết giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Chức năng, lĩnh vực quản trị doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp. Lập kế hoạch trong doanh nghiệp, tổ chức thực hiện Lãnh đạo điều hành, công tác kiểm soát và Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp.

49. Quản trị sản xuất I, Mã số HP PMA 331

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Nguyên lý thống kê, Quản trị dự án,
- Môn học tiên quyết: Quản trị học
- Tóm tắt nội dung học phần: Sản xuất là một trong 3 chức năng cơ bản trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Quản trị sản xuất là một trong những nội dung chính trong quản trị doanh nghiệp, là yếu tố quyết định trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất và sức cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua chất lượng sản phẩm, giá thành sản xuất và thời gian cung cấp sản phẩm. Quản trị sản xuất là môn học thuộc kiến thức ngành, trang bị những kiến thức cơ sở về hoạt động sản xuất như dự báo; quản trị dự trữ; thiết kế sản phẩm, quy trình công nghệ sản xuất; hoạch định tổng hợp; hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; lựa chọn địa điểm sản xuất... và một số nội dung chung khác nhằm đạt được mục tiêu của doanh nghiệp.

50. Quản trị chất lượng, Mã số HP: QUA 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản
- Môn học tiên quyết: Quản trị học
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học quản trị chất lượng trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chất lượng và vai trò của chất lượng trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp. Hiểu được nội dung và các nguyên tắc quản trị chất lượng hiện đại để vận dụng vào thực tế công việc, cuộc sống hàng ngày nhằm đạt mục tiêu đã đề ra, và hạn chế sự sai sót. Sử dụng công cụ cần thiết để tính kiểm soát quá trình thực hiện công việc để đảm bảo chất lượng công việc góp phần đạt mục tiêu của tổ chức. Hiểu được các yêu cầu của hệ thống quản trị chất lượng cơ bản như ISO 9001:2008 và từ đó tiếp cận với các hệ thống quản lý khác.

51. Quản trị dự án, Mã số HP: PAM331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức bắt buộc của ngành QTKD và tự chọn trong một số chuyên ngành khác nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về dự án, các nội dung chuyên sâu của công tác quản trị dự án như: Công tác lập kế hoạch, soạn thảo một dự án, phân tích, đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội dự án, công tác tổ chức quản trị thời gian, tiến độ, phân phối các nguồn lực, kiểm soát và quản trị

rủi ro dự án. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để có khả năng tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng đầu tư, lập và phân tích dự án, tổ chức điều phối hoạt động dự án và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự án thực tế, đưa ra những quyết định đúng đắn để dự án thực hiện có hiệu quả.

52. Kỹ thuật NV ngoại thương, Mã số HP: TPR331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế; các nghiệp vụ giao dịch và thanh toán trên thị trường ngoại thương; các điều kiện thương mại quốc tế được áp dụng rộng rãi; các nội dung liên quan đến việc ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và các công việc cần chuẩn bị cho một quá trình giao dịch; các nghiệp vụ, chứng từ thanh toán quốc tế và quá trình giao dịch ngoại thương giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý các nghiệp vụ ngoại thương, quản lý các giao dịch kinh doanh quốc tế.

53. Quản trị chuỗi cung ứng, Mã số HP: CSM 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị chuỗi cung ứng giúp các công ty tập trung vào các sự khác biệt, độc đáo so với đối thủ cạnh tranh. Quản trị chuỗi cung ứng là sự thiết kế và quản trị các quá trình gia tăng giá trị nhằm đáp ứng các yêu cầu của những khách hàng cuối cùng. Môn học cung cấp cho người học các nội dung bao gồm: Quản trị chuỗi cung ứng và chiến lược cạnh tranh; các chiến lược đáp ứng nhu cầu của khách hàng; thiết lập chuỗi cung ứng toàn cầu; đánh giá năng lực cốt lõi; quản trị quan hệ đối tác; quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ.

54. Tin học ứng dụng, Mã số HP: AIN231

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 30 tiết (30 GTC), số tiết thực hành: 30 tiết (15 GTC)

- Môn học trước: Lập và phân tích dự án đầu tư, Tài chính - Tiền tệ 1

- Môn học tiên quyết: Tin học đại cương

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tin học ứng dụng cung cấp các kiến thức và kỹ năng căn bản của Microsoft Excel ứng dụng để giải các bài toán trong đầu tư tài chính như ứng dụng Excel trong lập và phân tích dự án đầu tư; quản trị rủi ro; giải bài toán lãi suất; ứng dụng Excel để làm kế toán; giải bài toán qui hoạch tuyến tính, bài toán vận tải; giải các bài toán thống kê phân tích tương quan;... Qua những kiến thức được trang bị, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

55. Quản trị công nghệ và đổi mới, Mã số HP: MGT 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học phân cung cấp các kiến thức về đánh giá công nghệ, lựa chọn công nghệ, phân tích quá trình đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, xác định được năng lực công nghệ và thực hiện chuyển giao một công nghệ cụ thể, trong đó đi sâu vào tính toán và phân tích các chỉ tiêu về hàm lượng chất xám của công nghệ, năng lực hoạt động của công nghệ, giá trị đóng góp của công nghệ, để từ đó lựa chọn các phương án công nghệ và có phương pháp quản lý hiệu quả nhất trong việc sử dụng công nghệ

56. Thị trường chứng khoán, Mã số HP: SMK331

Số tín chỉ 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Tài chính tiền tệ
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này cung cấp cho người học nắm được những kiến thức chung nhất về thị trường chứng khoán; Những vấn đề cơ bản về hàng hóa trên thị trường chứng khoán; Các chủ thể tham gia trên thị trường chứng khoán; Hiểu biết về các loại chứng khoán giao dịch trên thị trường; Cách thức giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung và thị chứng khoán phi tập trung... Qua đó giúp sinh viên có khả năng hiểu được những giao dịch diễn ra trên thị trường chứng khoán và phân tích được những biến động diễn ra trên thị trường chứng khoán.

57. Quản trị sự kiện

Số tín chỉ 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức sự kiện như cách thức tổ chức 1 sự kiện, những vấn đề cần quan tâm khi tổ chức sự kiện, lập kế hoạch, ngân sách cho sự kiện...Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên cách tính toán thời gian diễn ra sự kiện để sự kiện được diễn ra, những thông tin về kiểm tra, đánh giá sự kiện sau khi sự kiện diễn ra.

58. Đàm phán trong kinh doanh

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học trong đàm phán kinh doanh, gồm các vấn đề cụ thể: Những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh; những nội dung chủ yếu, chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh; các giai đoạn tiến hành đàm phán và cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh

59. Kinh doanh quốc tế, Mã số HP: INB 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh doanh quốc tế cung cấp cho người học các vấn đề cốt yếu về hoạt động kinh doanh quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Các thể chế, định chế trong kinh doanh quốc tế. Cách thức triển khai hoạt động kinh doanh quốc tế trong thực tiễn, các loại hợp đồng kinh doanh quốc tế trong thực tiễn, trang bị kiến thức các yếu tố về chính trị, pháp luật và ảnh hưởng của yếu tố môi trường tới hiệu quả hoạt động kinh doanh quốc tế.

60. Quản trị Marketing, Mã số HP: MM331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Học phần tiên quyết: Marketing căn bản, Quản trị bán hàng,
- Học phần học trước:
- Học song hành:
- Tóm tắt nội dung học phần: Quản trị marketing là một trong số những môn học quan trọng của ngành Quản trị Kinh doanh. Trong thực tiễn, quản trị marketing là một trong bốn nội dung quan trọng trong hoạt động quản trị của Doanh nghiệp, tương ứng với đó là 1 trong bốn vị trí công việc quan trọng. Vì vậy, việc học tập môn học Quản trị marketing là rất cần thiết đối với cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh. Nội dung của môn học giúp người học nắm được kiến thức và thực hành những nội dung quan trọng của hoạt động Quản trị marketing, bao gồm: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động marketing của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Các kỹ năng soạn thảo kế hoạch marketing sẽ được người học thực hành theo từng nội dung của bản kế hoạch. Người học cũng sẽ được thực hành các kiểu chiến lược và mô hình phân tích chiến lược marketing thông qua những tình huống giả định. Tóm lại, người học sẽ nắm bắt được tư duy và cách thức thực hiện hoạt động quản trị marketing gắn với doanh nghiệp thông qua môn học này.

61. Quản trị quan hệ khách hàng, Mã số HP: CRM331

- Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
- Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị thông tin khách hàng và mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng. Cụ thể, học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản chất của quản trị quan hệ khách hàng, các hoạt động chủ yếu, mối quan hệ giữa quản trị quan hệ khách hàng với các hoạt động quản trị chức năng khác trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp các kiến thức về các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng, quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và các công việc tác nghiệp cụ thể khác như quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản trị.

62. Quản trị bán hàng, Mã số HP: SAM331

Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
- Môn học trước: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị bán hàng cung cấp cho người học những kiến thức trong lĩnh vực tiêu thụ hàng hóa và công tác quản trị tiêu thụ hàng hóa tại các doanh nghiệp, giúp người học vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào hoạt động quản trị bán hàng của doanh nghiệp. Môn học Quản trị bán hàng- một môn học mang tính ứng dụng cao và rất lý thú sẽ giúp cho người học tiếp cận từ những khái niệm cơ bản về quản trị bán hàng, tầm quan trọng của hoạt động này và có cái nhìn tổng thể về toàn bộ môn học Quản trị bán hàng đó là: Bản chất của nghề bán hàng, Giám đốc bán hàng chuyên nghiệp, Lãnh đạo-Phân tích- Dự báo- Hạn ngạch và Lập ngân sách bán hàng, Quản lý năng suất của lực lượng bán hàng, Xây dựng đội ngũ bán hàng- tuyển dụng và lựa chọn, Thực hiện chương trình huấn luyện bán hàng, Quản lý đội ngũ bán hàng.

63. Quản trị thương hiệu

Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
- Môn học trước: Hành vi khách hàng
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về lĩnh vực Quản trị Thương hiệu, giúp sinh viên làm quen với các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, và có một tầm nhìn rộng về ngành Quản trị thương hiệu. Môn học cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm công tác về quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp. Giúp người học có thể tiếp cận và giải quyết các vấn đề quản trị thương hiệu như: lập chiến lược, kế hoạch xây dựng và phát triển thương hiệu; xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu; thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ thương hiệu; đề xuất các biện pháp xây dựng giá trị thương hiệu; thực hiện công tác đánh giá thương hiệu; đề xuất các biện pháp duy trì và phát triển thương hiệu; thực hiện truyền thông thương hiệu cho doanh nghiệp/tổ chức.

64. Kỹ năng quản trị, Mã số HP: MAS 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học
- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất gắn với nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Học xong môn này người học nắm được kiến thức và kỹ năng thực hành quản trị kinh doanh, những hành trang và kinh nghiệm giúp cho người học có thể thực hành nghiệp vụ kinh doanh ngay sau khi ra trường, đồng thời đáp ứng được sự thiếu hụt những kỹ năng và tài năng quản trị đối với các nhà quản trị mới vào nghề. Người học sẽ có khả năng đánh giá đúng khả năng của mình và biết cách làm thế nào để nâng cao kỹ năng quản trị của chính mình và cộng sự.

65. Quản trị doanh nghiệp 2, Mã số HP: CBM 332

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Marketing căn bản, Quản trị học, Quản trị doanh nghiệp 1

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị doanh nghiệp 2 trang bị cho học viên một nền tảng kiến thức vững chắc để có thể điều hành/quản trị các doanh nghiệp. Học viên sẽ có được những kỹ năng cần thiết trong việc tích hợp kiến thức nền tảng về lập kế hoạch kinh doanh, marketing, bố trí sản xuất, tài chính và hiệu quả kinh doanh để giúp cho các doanh nghiệp kinh doanh tốt nhất.

66. *Quản trị sản xuất 2*, Mã số HP: PMA 332

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị sản xuất 1, Toán kinh tế, Nguyên lý thống kê, Xác suất thống kê, Kinh tế lượng

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Quản trị sản xuất 2 giảng dạy cho sinh viên năm thứ 3 ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng đã học được ở các học phần trước như Quản trị sản xuất 1, Toán kinh tế, Xác suất thống kê, Kinh tế lượng, Quản trị dự án..., sinh viên được định hướng tiếp cận, nghiên cứu và học tập các kiến thức chuyên sâu về quản trị sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Nội dung chính bao gồm lịch trình sản xuất, sản xuất theo phương pháp JIT, sản xuất theo phương pháp Kanban và OPT, lý thuyết xếp hàng áp dụng trong sản xuất và dịch vụ, bố trí mặt bằng nhà máy.

67. *Quản trị DN nhỏ và vừa*, Mã số HP: SME 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Môn học tiên quyết: Quản trị học

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị DN NVV trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, các nghiệp vụ, quy trình khởi sự và điều hành các hoạt động kinh doanh nhỏ và hướng đến phát triển thành các doanh nghiệp vừa, cũng như tiền đề để điều hành doanh nghiệp lớn.

68. *Khởi sự kinh doanh* Mã số HP: SBO 331

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản, Quản trị học

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần nghiên cứu về giai đoạn khởi nghiệp của doanh nhân trong đó tập trung vào nghiên cứu về phẩm chất, tư duy của người doanh nhân, thẩm định, lựa chọn ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện ý tưởng, gây dựng bộ máy nhân sự, dự trù tài chính để hình thành và vận hành doanh nghiệp

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng

Nhà trường có 4 phòng thực hành, trang bị 207 bộ máy vi tính cho người học đáp ứng tốt thực hành các học phần trong chương trình đào tạo QTKD như: Tin học đại cương, Tin học ứng dụng và Thương mại điện tử.

10.2. Thư viện, trang Web

Nhà trường có thư viện, nguồn học liệu, phòng đọc. Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động. Nhà trường đã trang bị một phòng máy tính với 20 máy phục vụ độc giả truy cập nguồn tài liệu điện tử của Nhà trường và của Trung tâm học liệu –Đại học Thái Nguyên.

Các website truy cập:

1. <http://tttv.tueba.edu.vn/>

2. <http://lrc.tnu.edu.vn/>

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHTN và của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

b. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

12. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)

TRƯỜNG KHOA



The image shows a handwritten signature in blue ink over a horizontal line. The signature appears to be 'Phạm Văn Thanh'.

Phụ lục A:**1. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia.**

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT QTKDTH
Kiến thức	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	Sinh viên tốt nghiệp chương trình QTKDTH có kiến thức lý thuyết chuyên sâu của ngành Quản trị Kinh doanh; nắm vững nghiệp vụ và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp của hoạt động kinh doanh; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản trị, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực kinh doanh.
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KT1: Hiểu biết các kiến thức cơ bản của khoa học xã hội: những tri thức khoa học cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các đường lối chủ trương của Đảng và nhà nước, kiến thức kinh tế chung và các quy luật kinh tế thị trường để giải thích những vấn đề lý luận và thực tiễn trong kinh doanh. KT2: Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề kinh doanh, ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh của các cơ sở kinh doanh và các tổ chức kinh tế xã hội.
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	KT5: Có kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản để đáp ứng yêu cầu của công việc kinh doanh như hiểu biết cơ bản về máy tính; hiểu biết cơ bản về các ứng dụng thông dụng như word, excel, powerpoint; hiểu biết về mạng máy tính. Đạt chuẩn về trình độ tin học theo quy định hiện hành

	của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	KT3: Vận dụng các kiến thức của ngành và chuyên ngành như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá để tạo lập, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, phối hợp có hiệu quả các nguồn lực của các cơ sở kinh doanh.
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	KT4: Có kiến thức thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh và có định hướng về nghề nghiệp.
Kỹ năng	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	KN1: Có các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong kinh doanh như: Giao tiếp, ứng xử; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tự học và sáng tạo; Kỹ năng quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch và khoa học.
Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	KN3: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác như: Kỹ năng tạo lập và triển khai các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng nhận định, phát hiện và ra quyết định xử lý vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh; Kỹ năng phân tích và đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng tạo lập quan hệ, giao tiếp, và hợp tác trong công việc kinh doanh.
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	KN4: Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường kinh doanh không xác định hoặc thay đổi, kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh và dự báo các tình huống phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.

Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	KN3: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác như: Kỹ năng tạo lập và triển khai các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng nhận định, phát hiện và ra quyết định xử lý vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh; Kỹ năng phân tích và đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng tạo lập quan hệ, giao tiếp, và hợp tác trong công việc kinh doanh.
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	KN2: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp trong thực tiễn kinh doanh.
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	KN 6: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực kinh doanh; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	TC1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm đối với công việc và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có thể chịu được áp lực công việc cao trong môi trường kinh doanh.
Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	TC3: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp

	về mặt kỹ thuật;
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	TC4: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh ở quy mô trung bình.

2. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng của CĐR đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 4 mức từ 1-4 trong đó:

Mức 1: Không đáp ứng;

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ;

Mức 2: Đáp ứng một phần;

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu;

Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn nghề nghiệp (nếu có)	Tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động	
KT1		3	3	
KT2		3	2	
KT3		3	2	
KT4		3	2	
KT5		3	3	
KN1		3	2	
KN2		3	2	
KN3		3	3	
KN4		3	2	
KN5		3	3	
KN6		3	2	
TC1		3	2	
TC2		3	3	
TC3		3	3	
TC4		3	3	

Ma trận này dùng để rà soát mức độ đáp ứng các chuẩn tối thiểu của chuẩn đầu ra theo quy định của Khung trình độ quốc gia và các yêu cầu của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và rà soát chuẩn đầu ra (nếu chuẩn đầu ra chưa bao phủ hết yêu cầu cần bổ sung), đồng thời để thấy được điểm khác biệt nổi trội của CTĐT trong năng lực của người học sau khi tốt nghiệp CTĐT khi viết báo cáo đánh giá CTĐT và quảng bá CTĐT.

Phụ lục B: Báo cáo về các nội dung đối sánh

1. Nội dung báo cáo đối sánh CĐR của CTĐT

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA:

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CĐR của CTĐT Quản trị Kinh doanh tổng hợp – Khoa QTKD do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: CĐR của các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín trong và ngoài nước ban hành, Ý kiến của Nhà sử dụng lao động, Cựu sinh viên..., từ đó làm căn cứ để điều chỉnh các CĐR của CTĐT Quản trị kinh doanh tổng hợp – Khoa QTKD hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

- Đối sánh bên ngoài: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT Quản trị doanh nghiệp với CĐR các CTĐT trong và ngoài nước (nếu có).
- Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT Quản trị doanh nghiệp với các ý kiến đóng góp của Nhà sử dụng lao động và Cựu người học.

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

	CĐR CTĐT QTKD Trường ĐH Ngoại thương	CĐR CTĐT QTKD Trường ĐH Kinh tế quốc dân	CĐR CTĐT QTKD – Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
CĐR CTĐT Quản trị doanh nghiệp - TUEBA						
Kiến thức						

KT1. Hiểu biết các kiến thức cơ bản của khoa học xã hội, những tri thức khoa học cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các đường lối chủ trương của Đảng và nhà nước, kiến thức về pháp luật, kiến thức kinh tế chung và các quy luật kinh tế thị trường để giải thích những vấn đề lý luận và thực tiễn trong kinh doanh.	X-70%	X-80%	X – 95%	X – 40%	X- 50%	
KT2. Vận dụng các kiến thức cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết các vấn đề kinh doanh và ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh và các tổ chức kinh tế xã hội.	X-80%	X-85%	X-50%	X- 75%	X- 60%	
KT3. Nắm được được các kiến thức của ngành quản trị kinh doanh để phối hợp có hiệu quả các nguồn lực của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế xã hội.	X-60%	X-80%	X-75%	X- 70%	X- 55%	
KT4. Hiểu và vận dụng kiến thức về các chức năng quản trị như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh.	-	-	X-60%	X- 90%	X- 90%	
KT5. Hiểu biết và vận dụng kiến thức về lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh để tư vấn, đề xuất các chính sách, quy định để quản lý và hỗ trợ phát triển các loại hình kinh doanh ở một địa phương, khu vực.	X-80%	X-50%	X-90%	X- 95%	X- 95%	
KT6. Nắm được kiến thức và các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.	-	-	X-90%	X- 90%	X- 80%	
KT7. Có kiến thức thực tiễn về các hoạt động kinh doanh.	X-90%	X-80%	X-70%	X- 80%	X- 70%	

KT8. Có kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản để đáp ứng yêu cầu của công việc kinh doanh như hiểu biết cơ bản về máy tính; hiểu biết cơ bản về các ứng dụng thông dụng như word, excel, powerpoint; hiểu biết về mạng máy tính. Đạt chuẩn về trình độ tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.	-	-	X-80%	X-90%	X-90%	
Kỹ năng						
KN1. Kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực kinh doanh; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD	X-70%	30%	X-95%	X-50%	X-30%	
KN2. Các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong kinh doanh như: Giao tiếp, ứng xử; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tự học và sáng tạo; Kỹ năng quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch và khoa học; Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức trong thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp trong thực tiễn kinh doanh.	X-90%	X-80%	X-90%	X-70%	X-85%	
KN3. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác như: Kỹ năng tạo lập và triển khai các hoạt động kinh doanh; Kỹ	X-60%	-	X-50%	X-75%	X-65%	

năng nhận định, phát hiện và ra quyết định xử lý vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh; Kỹ năng phân tích và đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng tạo lập quan hệ, giao tiếp, và hợp tác trong công việc kinh doanh.						
KN4. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường kinh doanh không xác định hoặc thay đổi, kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh và dự báo các tình huống phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.	-	-	-	X-80%	X-80%	
KN5. Các kỹ năng hành chính văn phòng như: Soạn thảo các văn bản và hồ sơ giao dịch cơ bản trong kinh doanh; Kỹ năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị văn phòng và phương tiện hỗ trợ trong các cơ sở kinh doanh.	-	X-50%	X-80%	X-90%	X-95%	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
TC1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm đối với công việc và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có thể chịu được áp lực công việc cao trong môi trường kinh doanh.	X-90%	X-70%	X-60%	X-95%	X-70%	
TC2. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh doanh; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;	X-80%	-	X-50%	X-50%	X-60%	
TC3. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;	X-70%	-	X-80%	X-40%	X-50%	
TC4. Có năng lực lập kế hoạch, điều	X-70%	X-50%	X-75%	X-	X-	

phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh ở quy mô trung bình.				20%	30%	
--	--	--	--	-----	-----	--

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

- Chuẩn đầu ra CTĐT QTKDTH – Trường ĐH Kinh tế và QTKD đã phản ánh phù hợp và rất chi tiết những yêu cầu người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo QTKDTH cũng như những vị trí mà người học có thể làm việc mang tính đa dạng phù hợp với nội dung đào tạo và phù hợp với nhu cầu bức thiết của đời sống xã hội hiện nay.

- Chuẩn đầu ra CTĐT QTKDTH – Trường ĐH Kinh tế và QTKD có sự tương đồng, nhất quán với khung năng lực trình độ quốc gia.

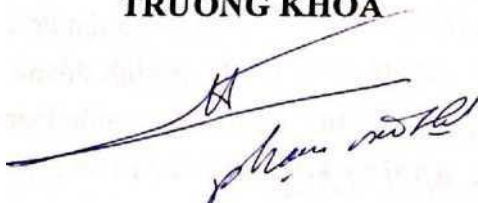
- Chuẩn đầu ra CTĐT QTKDTH – Trường ĐH Kinh tế và QTKD được sự đồng ý và ghi nhận của người sử dụng lao động và cựu sinh viên.

- Chuẩn đầu ra CTĐT QTKDTH – Trường ĐH Kinh tế và QTKD tương đối chi tiết so với ngành tương tự tại một số trường đại học trong nước, có một số nội dung như kỹ năng phản biện phê phán và kỹ năng dẫn dắt chuyên môn tại một số trường không có.

3.2. Hạn chế

- Tuy CĐR CTĐT QTKDTH – Trường ĐH Kinh tế và QTKD có những ưu điểm nhất định, nhưng trong tương lai, cần phải nâng dần tiêu chuẩn để sau khi học xong chương trình, sinh viên có thể làm việc được ngay tại các vị trí việc làm tương ứng theo yêu cầu ngày càng cao của xã hội nói chung và của doanh nghiệp nói riêng.

TRƯỜNG KHOA



2. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: Các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín trong nước ban hành, từ đó làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

BẢNG SO SÁNH CÁC MÔN HỌC THUỘC KHUNG CHƯƠNG TRÌNH QTDN CỦA TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD SO VỚI CÁC CTĐT THAM KHẢO TRONG NƯỚC VÀ NGOÀI NƯỚC NĂM 2018

TT	Mã HP	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)			
				Chương trình đào tạo Quản trị doanh nghiệp (Học viện Tài chính)	Chương trình đào tạo Quản trị doanh nghiệp CLC (Trường ĐH Điện Lực)	Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh (Trường ĐH Văn Nam - Trung Quốc)	Chương trình đào tạo (Trường ĐH)
<1 >		<2>	<3>	<6>	<7>	<8>	<9>
I.	PHẦN KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG		36	36	35		
1	MLP 121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2	2	3	
2	MLP 131	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	3	3		
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	2	3	
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	3	3		
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	2	3		
6	GSO121	Xã hội học đại cương	2	2			
7	ENG121	Tiếng Anh 1	2	3	5	2	
8	ENG122	Tiếng Anh 2	2	4	5	4	
9	ENG123	Tiếng Anh 3	2	3	5	6	
10	ENG124	Tiếng Anh 4	2	3	5	8	
11	ENG125	Tiếng Anh 5	2		3		
12	ENG126	Tiếng Anh 6	2				
13	MAT141	Toán cao cấp	4	2	4	4	
14	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	2	4	

15	GIF131	Tin học đại cương	3	3	3	2	
16	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	150 tiết	5	1	
17	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết			1	
18	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết			1	
19		Giáo dục quốc phòng	165 tiết	165 tiết	7 (4 tuần học)	2	
II	PHẦN KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP		80	83	92		
II.1	KIẾN THỨC CƠ SỞ CỦA KHỐI NGÀNH		6	6	5		
20	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	3	3	3	
21	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	3	3	
II.2	KIẾN THỨC CƠ SỞ CỦA NGÀNH		23	25	10		
	Bắt buộc		21				
22	FAM321	Tài chính - Tiền tệ 1	2	4		4	
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	3	3	3	
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	4	3	4	
25	GEM231	Marketing căn bản	3	2	2	3	
26	ECO231	Kinh tế lượng	3	3	2	3	
27	ELA231	Luật kinh tế	3	3	2	2	
28	MAN221	Quản trị học	2	4	3	2	
29	ECO321	Thương mại điện tử căn bản	2	2	2	2	
	Tự chọn		2				
30	HET221	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2			
31	MAE221	Toán kinh tế	2				
32	DEC221	Kinh tế phát triển	2	2			
33	SYT321	Lý thuyết hệ thống	2				
34	INE321	Kinh tế quốc tế	2	2			
35	SME321	Quản lý nhà nước về kinh tế	2				
II.3	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH CHÍNH		22	18			
	Bắt buộc		18				
36	STM331	Quản trị chiến lược	3	2	2	3	
37	FIM331	Quản trị tài chính	3		2	4	
38	HRM331	Quản trị nhân lực	3	2	2	3	
39	DTH331	Lý thuyết ra quyết định	3			3	
40	BAN331	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		3	3	
41	MAA331	Kế toán quản trị	3	2	2	3	
	Tự chọn		4				
42	ORC321	Đạo đức kinh doanh và VH DN	2	2	2		
43	SMB321	Phương pháp NCKH trong KD	2		2		
44	PBA321	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2				

45	BUA321	Kế toán doanh nghiệp	2		3		
46	ENS321	Thống kê doanh nghiệp	2	2		3	
47	MIS321	Hệ thống thông tin trong quản lý	2		2	3	
48	PRE321	Quan hệ công chúng	2	2	3	2	
II.4	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		27	15	41		
	Bắt buộc		21				
49	TPR331	Kỹ thuật NV ngoại thương	3				
50	ADM331	Quản trị hành chính văn phòng	3				
51	IBA331	Quản trị doanh nghiệp	3			3	
52	TEM331	Quản lý công nghệ	3		2		
53	PMA321	Quản trị sản xuất I	3	2	3		
54	QUA331	Quản trị chất lượng	3	3	2		
55	PAM331	Quản trị dự án	3	2	2	2	
	Tự chọn		6				
56	AIN231	Tin học ứng dụng	3	2	2		
57	SME331	QTDN nhỏ và vừa	3				
58	IMA331	Quản trị marketing	3		2		
59	PMA332	Quản trị sản xuất 2	3	3			
60	NEB321	Đàm phán trong kinh doanh	2			1	
61	AEV321	Quản trị sự kiện	2				
62	SMK331	Thị trường chứng khoán	3	2			
63	INB321	Kinh doanh quốc tế	2			1	
64	SAM321	Quản trị bán hàng	2	2	2		
65	CSM331	Quản trị chuỗi cung ứng	3				
66	CHM331	Quản trị rủi ro và sự thay đổi	3				
II.5	Đề án môn học chuyên ngành QTDN		2		4	6	
III	Thực tập tốt nghiệp		4	4	4	7	
IV	Khóa luận tốt nghiệp		6	6	8	8	
	Tự chọn thay làm khóa luận		6				
67	MAS331	Kỹ năng quản trị	3				
68	CMA331	Quản trị chi phí	3				
69	CBM331	Quản trị kinh doanh thương mại	3				
70	TMM331	Quản trị thương hiệu	3	2	2		
71	HOM331	Quản trị kinh doanh khách sạn	3				
72	SBO331	Khởi sự kinh doanh và tái lập DN	3			2	
73	MCM321	Quản trị truyền thông Marketing	2			2	
74	TAA321	Kế toán thuế	2				
75	DCM321	Quản trị kênh phân phối	2		3		
	Tổng (II.3,4,5+III+IV)		61				
	Tổng (I+II.1+II.2)		65				

	Tổng toàn khóa		126			161 TC	
NHỮNG MÔN HỌC KHÔNG CÓ TRONG KHUNG CHƯƠNG TRÌNH QTDN TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD				Số tín chỉ của các môn học trong Chương trình đào tạo tham khảo (TC)			
				Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh (Trường ĐH Kinh tế - ĐH QGHN)	Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh tổng quát (ĐH Kinh tế - ĐH ĐN)	Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh (ĐH Kinh tế -ĐH Huế ĐN)	Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh (Trường ĐH Western Governors)
1	Kỹ năng mềm		3				
2	Giao tiếp trong kinh doanh		3	3			3
3	Tiếng Anh 7			3			
4	Tiếng Anh 8			2			
5	Hành vi tổ chức		3	3	3		3
6	Quản trị Marketing			3			
7	Quản trị quan hệ khách hàng			3			
8	Quản trị dịch vụ				3		
9	Giới thiệu về địa lý						3
10	Đại số học						4
11	Lịch sử Hoa Kỳ						3
12	Nhân văn học						3
13	Bảng tính						3
14	Tư duy logic						3
15	Nhập môn kinh doanh						3
16	Giới thiệu về truyền thông						3
17	Nhập môn công nghệ thông tin						4
18	Ứng dụng khoa học tự nhiên tích hợp						4
19	Ứng dụng tiếp thị						3
20	Kinh doanh toàn cầu						3
21	Phân tích định lượng trong kinh doanh						3
22	Quản trị hệ thống thông tin						3
23	Lập kế hoạch nguồn nhân lực						3
24	Lập dự án						4

	kinh doanh					
--	------------	--	--	--	--	--

3. Đánh giá chung

3.1 Ưu điểm

Chương trình đào tạo QTDN trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh có tổng số tín chỉ của chương trình là 126TC, trong đó có 33TC là phần kiến thức chuyên ngành, 83 TC là kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và 10TC khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu khung chương trình QTDN của Trường ĐH Kinh tế & QTKD có kết cấu phù hợp và có số tín chỉ ở mức trung bình so với các môn học tại các cơ sở đào tạo uy tín trong nước. Có sự tương đồng ở cả phần Kiến thức giáo dục đại cương và khối giáo dục chuyên ngành. Trong đó số lượng học phần tự chọn điều đó cho thấy Nhà trường đề cao tính tự chủ trong học tập của sinh viên. Sinh viên có thể lựa chọn những môn học phù hợp với định hướng học tập của mình hơn.

3.2. Hạn chế

Vẫn còn một số môn học (theo bảng đối sánh) không có trong khung chương trình đào tạo ở các cơ sở đào tạo khác. Trong khung chương trình cần nghiên cứu, xem xét và cân nhắc bổ sung và cập nhật khung chương trình một số môn học mà các trường khác có nghiên cứu giảng dạy để đảm bảo sự tương đồng và đáp ứng chuẩn đầu ra.

Đồng thời, trong những môn học tự chọn, làm thế nào để có thể định hướng cho sinh viên tự chọn môn học một cách đúng đắn nhất và cần phải có nhiều môn học tự chọn hơn, cũng như nhiều tín chỉ tự chọn hơn để có thể phù hợp đúng với hình thức học theo tín chỉ, cũng như đề cao tính độc lập, tự định hướng học tập của sinh viên, từ đó đào tạo ra được nguồn lao động trí óc có thái độ tự chủ và tính chủ động trong công việc.

3. Nội dung báo cáo đối sánh của học phần

Phụ lục C: Kế hoạch đào tạo

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ&QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản trị Kinh doanh

Chuyên ngành: Quản trị Doanh nghiệp

Mã ngành: 7340101

Thời gian đào tạo: 4 năm

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
I.	Phần Kiến thức đại cương		33										
1	MLP 121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	24	12	2							
2	MLP 131	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	36	18		3						
3	HCM131	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12			2					
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	36	18				3				
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	2							
7	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	2							
8	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		2						
9	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			2					
10	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				2				
11	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					2			
12	ENG126	Tiếng Anh 6	2	24	12						2		
13	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18	3							
14	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18		3						
15	GIF131	Tin học đại cương	3	36	18	3							
16	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x							
17	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				x						
18	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x					
19		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x					
II	Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
II.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành		6										
20	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	36	18	3							
21	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	36	18		3						
II.2	Kiến thức cơ sở ngành		24										
	Bắt buộc		21										
22	FAM231	Quản trị học (căn bản)	3	36	18		3						
23	PSE231	Tài chính - tiền tệ 1	3	36	18		3						
24	ACT231	Nguyên lý thống kê	3	36	18			3					
25	GEM231	Nguyên lý kế toán	3	36	18			3					

27	ELA231	Marketing căn bản	3	36	18			3					
28	MAN231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	36	18				3				
29	DTH231	Ra quyết định quản trị	3	36	18				3				
	Tự chọn		3					3					
30	TOU231	Giao tiếp trong kinh doanh	3	36	18								
31	SYT331	Lý thuyết hệ thống	3	36	18								
32	INB331	Thương mại quốc tế	3	36	18								
33	SME331	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	36	18								
34	ECO231	Kinh tế lượng	3	36	18								
II.3	Kiến thức ngành cơ sở của ngành chính		24										
	Bắt buộc		18										
35	STM331	Quản trị chiến lược	3	36	18					3			
36	FIM331	Quản trị tài chính	3	36	18							3	
37	HRM331	Quản trị nhân lực	3	36	18						3		
38	MAS331	Thương mại điện tử	3	36	18					3			
39	BAN331	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	36	18							3	
40	MAA331	Kế toán quản trị	3	36	18					3			
	Tự chọn		6						6				
41	SMB331	Phương pháp NCKH trong KD	3	36	18								
42	PBA331	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	36	18								
43	ENS331	Thống kê doanh nghiệp	3	36	18								
44	MIS331	Hệ thống thông tin trong quản lý	3	36	18								
45	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3	36	18								
46	ORC331	Đạo đức kinh doanh và VH DN	3	36	18								
47	PRE331	Quan hệ công chúng	3	36	18								
48	LOM331	Quản trị logistics	3	36	18								
II.4	Kiến thức chuyên ngành		27										
	Bắt buộc		21										
49	TPR331	Kỹ thuật NV ngoại thương	3	36	18						3		
50	ADM331	Quản trị hành chính văn phòng	3	36	18					3			
51	IBA331	Quản trị doanh nghiệp 1	3	36	18					3			
52	MGT331	Quản trị công nghệ và đổi mới	3	36	18							3	
53	PMA321	Quản trị sản xuất 1	3	36	18						3		
54	QUA331	Quản trị chất lượng	3	36	18							3	
55	PAM331	Quản trị dự án	3	36	18						3		
	Tự chọn		6									6	
56	AIN231	Tin học ứng dụng	3	36	18								
57	IMA331	Quản trị marketing	3	36	18								
58	NEB331	Đàm phán trong kinh doanh	3	36	18								

59	AEV331	Quản trị sự kiện	3	36	18								
60	SMK331	Thị trường chứng khoán	3	36	18								
61	INB331	Kinh doanh quốc tế	3	36	18								
62	SAM331	Quản trị bán hàng	3	36	18								
63	CRM331	Quản trị quan hệ khách hàng	3	36	18								
64	CSM331	Quản trị chuỗi cung ứng	3	36	18								
II.5	COP421	Thực tập môn học	2								2		
III	GRI441	Thực tập tốt nghiệp	4										4
IV	THW964	Khóa luận tốt nghiệp	6										6
	Tự chọn thay làm khóa luận		6										
65	MAS331	Kỹ năng quản trị	3	36	18								
66	PMA332	Quản trị sản xuất 2	3	36	18								
67	CBM332	Quản trị doanh nghiệp 2	3	36	18								
68	SBO331	Khởi sự kinh doanh	3	36	18								
69	SME331	Quản trị DN nhỏ và vừa	3	36	18								
	Tổng toàn khóa		126			15	17	16	17	17	16	18	10

Ghi chú: Sinh viên không làm khóa luận phải tích lũy thêm 06 tín chỉ trong các học phần tự chọn thay làm khóa luận.

Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần